

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2020/HNGĐ-ST

Ngày 01/10/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông NGô Văn Bê - Cán bộ hưu.

Ông Nguyễn Xuân Chuyển - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 01/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 54/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/4/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2020/QĐXX-ST ngày 28/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Lưu Văn H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: thôn TM, xã QS, huyện LNg, tỉnh BG.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn:** Chị Hà Thị H1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: thôn TM, xã QS, huyện LNg, tỉnh BG.

Hiện đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

* Người đại diện của chị H1 nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Lưu Văn L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: : thôn TM, xã QS, huyện LNg, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Lưu Văn H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị H1 kết hôn trên cơ sở có sự tìm hiểu tự nguyện và đăng kí kết hôn ngày 10/12/2012 tại UBND xã QS, huyện LNg, tỉnh BG. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó năm 2017 chị H1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan được một thời gian thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã. Sau đó một thời gian sau thì không liên lạc với nhau nữa. Đến nay anh và chị Hà Thị H1 đã không liên lạc gần 02 năm nay. Anh đã liên lạc với nhà bố mẹ vợ nhưng không có địa chỉ chính xác của chị H1. Nay xét thấy quan hệ không thể duy trì được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị H1.

- Về con chung : Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lưu Tuấn H2, sinh ngày 07/11/2013. Khi ly hôn anh H đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Ngoài ra anh Lưu Văn H đề nghị Tòa án thu thập tài liệu mẫu có chữ viết, chữ ký, dấu vân tay của chị Hà Thị H1 để trưng cầu giám định so sánh với chữ viết, chữ ký, dấu vân tay trong tài liệu mà chị Hà Thị H1 gửi từ nước ngoài về. Chi phí giám định anh Lưu Văn H xin chịu cả.

** Tại Bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án, bị đơn là chị Hà Thị H1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012 chị có quen và kết hôn với anh Lưu Văn H đến nay cũng được gần 8 năm. Trong quá trình chung sống chị cảm thấy suy nghĩ và cách sống không hợp nhau nên chị đi nước ngoài đến nay và ly thân cũng đã được hơn 03 năm, chị cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng nữa. Vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Văn H.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lưu Tuấn H2, sinh ngày 07/11/2013. Khi ly hôn chị đồng ý để anh H nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Chị xin cam đoan những lời khai của chị là đúng, nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Do bận không sắp xếp được công việc riêng, hiện chị đang đi làm ăn xa nên không thể tham gia các buổi làm việc, lấy lời khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa của Tòa án được. Chị xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, lấy lời khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử của Tòa án. Chị giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại bản tự khai và không bổ sung gì thêm. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng và bản án cho anh Lưu Văn L – Sinh năm 1980. Địa chỉ: : thôn TM, xã QS, huyện LNg, tỉnh BG nhận và thông báo cho chị được biết.

* Tại phiên tòa anh Lưu Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và giải quyết nuôi con chung. Chị Hà Thị H1 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị HĐXX (sau đây viết tắt là HĐXX) giải quyết cho anh Lưu Văn H được ly hôn chị Hà Thị H1. Về con chung: Giao con chung là cháu Lưu Tuấn H2, sinh ngày 07/11/2013 cho anh H nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung, công nợ anh H và chị H1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Anh Lưu Văn H phải chịu án phí ly hôn và chi phí giám định theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lưu Văn H là công dân Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn và đề nghị giải quyết nuôi con chung khi ly hôn đối với chị Hà Thị H1. Bị đơn là chị Hà Thị H1 có hộ khẩu thường trú tại thôn TM, xã QS, huyện LNg, tỉnh BG nhưng đang lao động ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 4229/QLXNC-P5 ngày 27/03/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị Hà Thị H1 đã xuất cảnh ra nước ngoài từ 02/12/2019, chưa thấy nhập cảnh

về Việt Nam. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định về quan hệ pháp luật: đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu đứng tên chị Hà Thị H:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi văn bản tố tụng về gia đình chị Hà Thị H1. Chị Hà Thị H1 đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và có văn bản thể hiện quan điểm gửi từ nước ngoài về để cung cấp cho Tòa án. Do văn bản của chị Hà Thị H1 gửi về không có xác nhận của cơ quan ngoại giao tại nước ngoài nên anh Lưu Văn H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giám định chữ ký, chữ viết dấu vân tay của chị Hà Thị H1 khi làm Chứng minh nhân dân tại Công an tỉnh Bắc Giang để giám định chữ viết, chữ ký, dấu vân tay đối chiếu với tài liệu do chị Hà Thị H1 gửi về xem có đúng là do một người viết, ký và lăn tay hay không.

[2.2]. Sau khi thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã có quyết định trưng cầu giám định số 10/2020/QĐ-TCGD ngày 12/8/2020. Tại kết luận giám định số 1090/KL/KTHS ngày 21/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang thể hiện các chữ ký, dấu vân tay trong các tài liệu đứng tên chị Hà Thị H1 trưng cầu giám định và chữ ký, dấu vân tay trong các tài liệu mẫu để so sánh là của cùng một người ký ra và dấu vân tay là của cùng một người. Phòng kỹ thuật hình sự không kết luận chữ viết trên các tài liệu cần giám định do mẫu so sánh ít, không đủ đặc điểm truy nguyên.

[2.3]. Từ những nội dung trên, HĐXX xét thấy mặc dù văn bản, tài liệu của chị Hà Thị H1 gửi từ nước ngoài về không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nhưng có đủ căn cứ để khẳng định các văn bản, tài liệu thể hiện quan điểm giải quyết vụ án là đúng của chị Hà Thị H1. HĐXX chấp nhận tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu này để giải quyết vụ án.

[3]. Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, anh Lưu Văn H xin vắng mặt; chị Hà Thị H1 đã có bản tự khai trình bày về vụ việc và có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời đề nghị Tòa án gửi văn bản tố tụng cho anh Lưu Văn L nhận và thông báo lại cho chị. Do vậy việc vắng mặt của chị Hà Thị H1, anh Lưu Văn H không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1,

Điều 238- Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Hà Thị H1, anh Lưu Văn H.

[4]. Về quan hệ vợ chồng:

[4.1]. Anh Lưu Văn H và chị Hà Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự do, tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 08/01/2013 tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Theo trình bày của anh Lưu Văn H thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống chung sống hạnh phúc, sau đó năm 2017 chị H1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan được một thời gian thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã. Sau đó một thời gian sau thì không liên lạc với nhau nữa. Đến nay anh và chị Hà Thị H1 đã không liên lạc gần 02 năm nay. Nay xét thấy quan hệ mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Lưu Văn H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị H1. Tại bản tự khai đề ngày 08/7/2020 chị Hà Thị H1 trình bày vợ chồng đã ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn anh Lưu Văn H xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn với anh Lưu Văn H.

[4.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lưu Văn H và chị Hà Thị H1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lưu Văn H và chị Hà Thị H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Lưu Văn H được ly hôn chị Hà Thị H1.

[5]. Về con chung:

[5.1]. Anh Lưu Văn H và chị Hà Thị H1 có 01 con chung là Lưu Tuấn H2, sinh ngày 07/11/2013. Khi ly hôn anh H đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng. Chị H1 đồng ý để anh H nuôi con chung.

[4.2].HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án chị H1 không có mặt ở tại địa phương, không có địa chỉ cụ thể nên không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được. Con chung chưa thành niên nên cần người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho anh Lưu Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lưu Tuấn H2, sinh ngày 07/11/2013. Chị Hà Thị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp chị H1 về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể

làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Sau này có tranh chấp các bên có quyền đề nghị giải quyết bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Lưu Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Về chi phí giám định: Anh Lưu Văn H tự nguyện chịu cả 3.240.000 đồng cần chấp nhận.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 161; khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Lưu Văn H được ly hôn chị Hà Thị H1.

2. Về con chung: Giao con chung là Lưu Tuấn H, sinh ngày 07/11/2013 cho anh Lưu Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Hà Thị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Lưu Văn H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp chị Hà Thị H1 về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chi phí tố tụng:

- Về án phí sơ thẩm: anh Lưu Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000642 ngày 20/4/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Lưu Văn H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Về chi phí giám định: anh Lưu Văn H chịu 3.240.000 đồng chi phí giám định. Xác nhận anh H đã nộp và chi phí xong số tiền này.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Hà Thị H1 hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Lưu Văn H cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Q, huyện LN;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng